

Số: 60/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

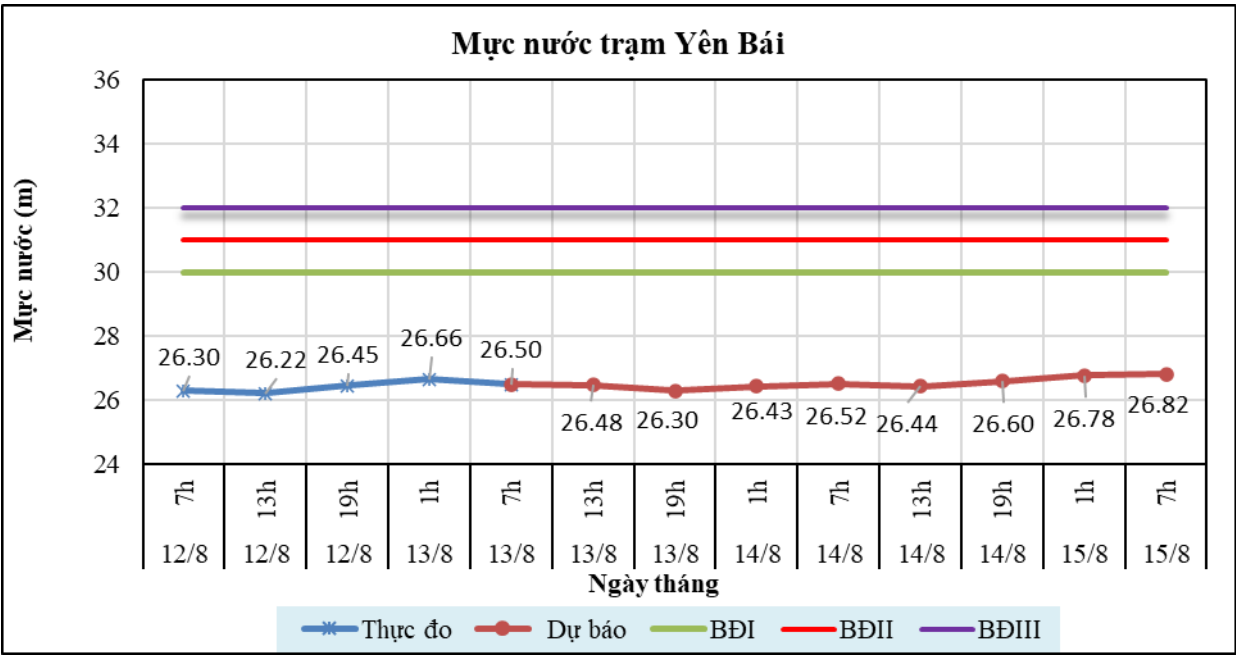
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

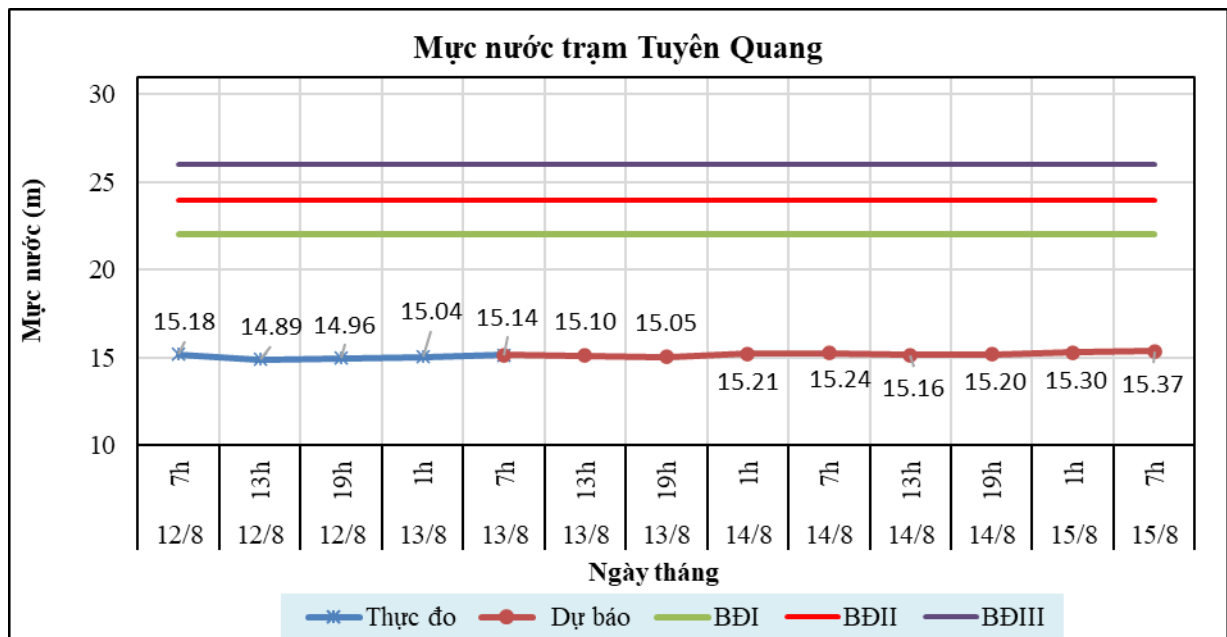
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

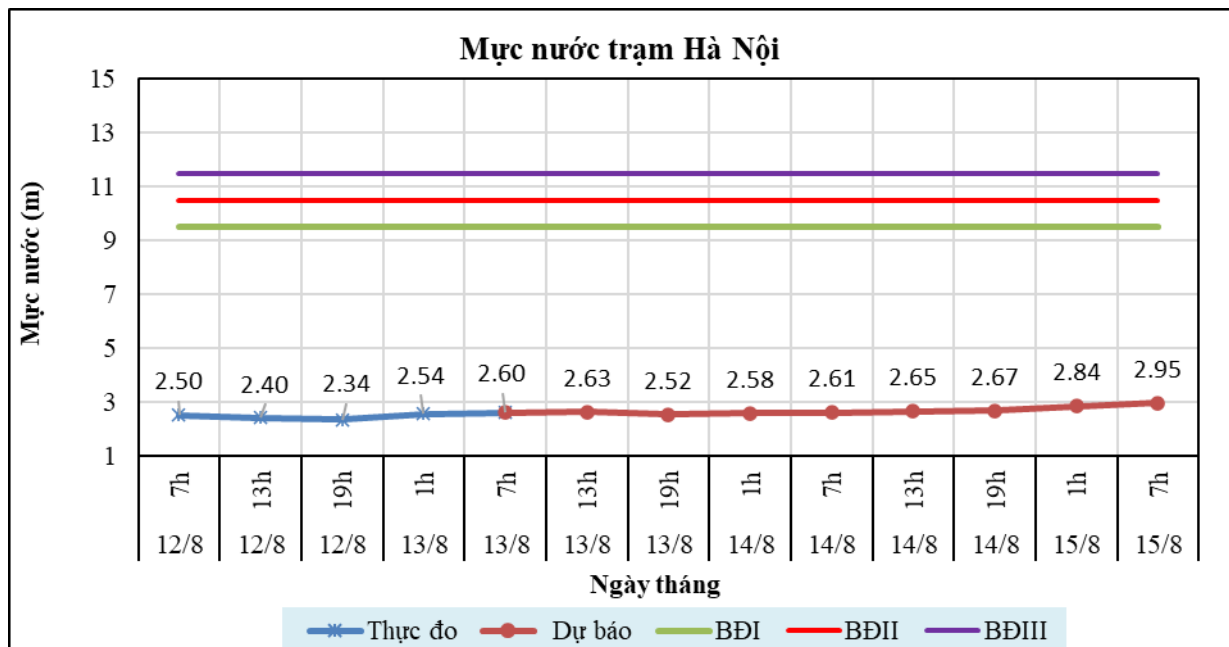
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

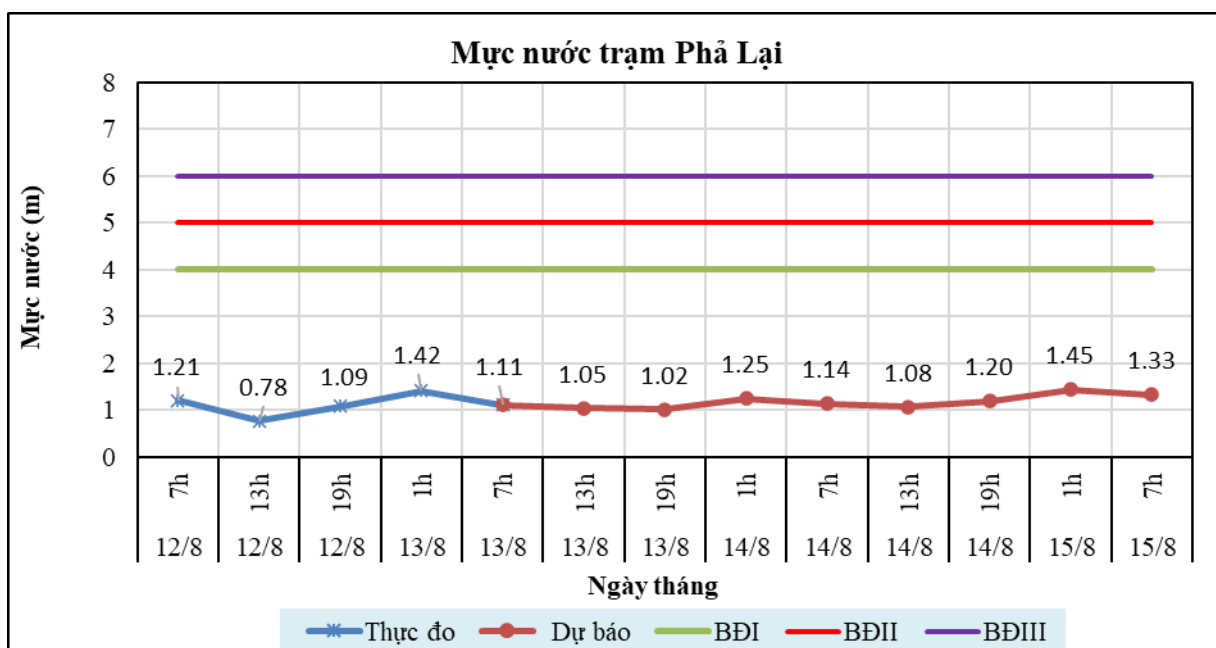
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

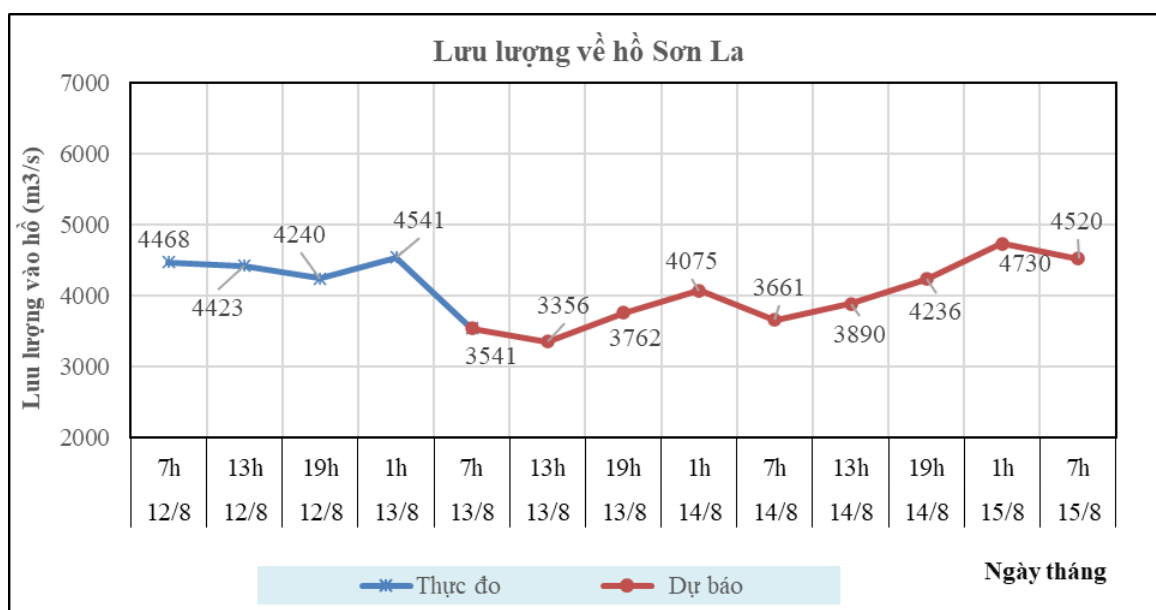
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

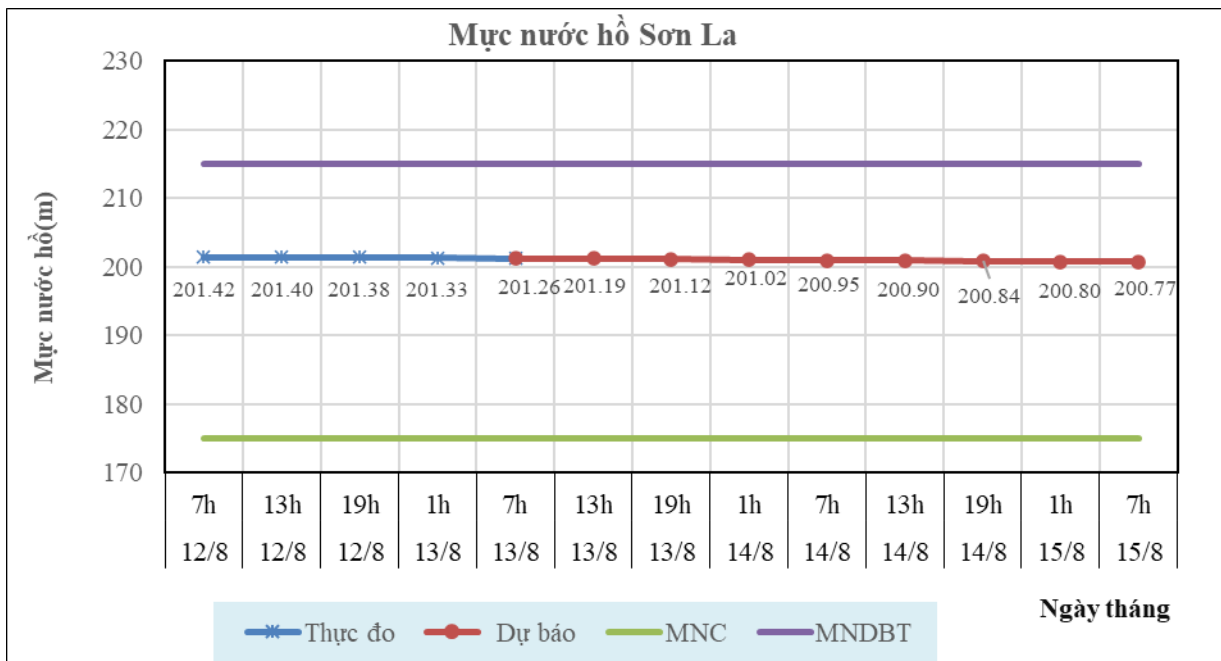
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 13/08/2025 đạt $3541\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 201,26m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $3661\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 200,95m, 48h tới lưu lượng đạt $4520\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 200,77m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

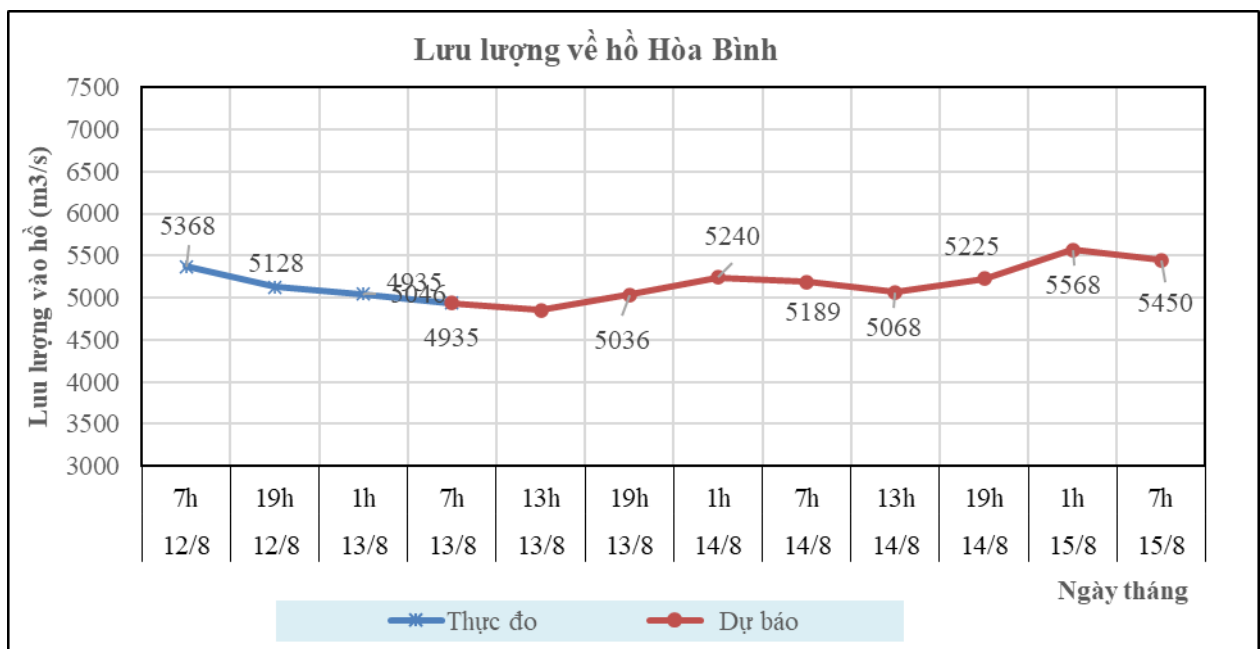
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

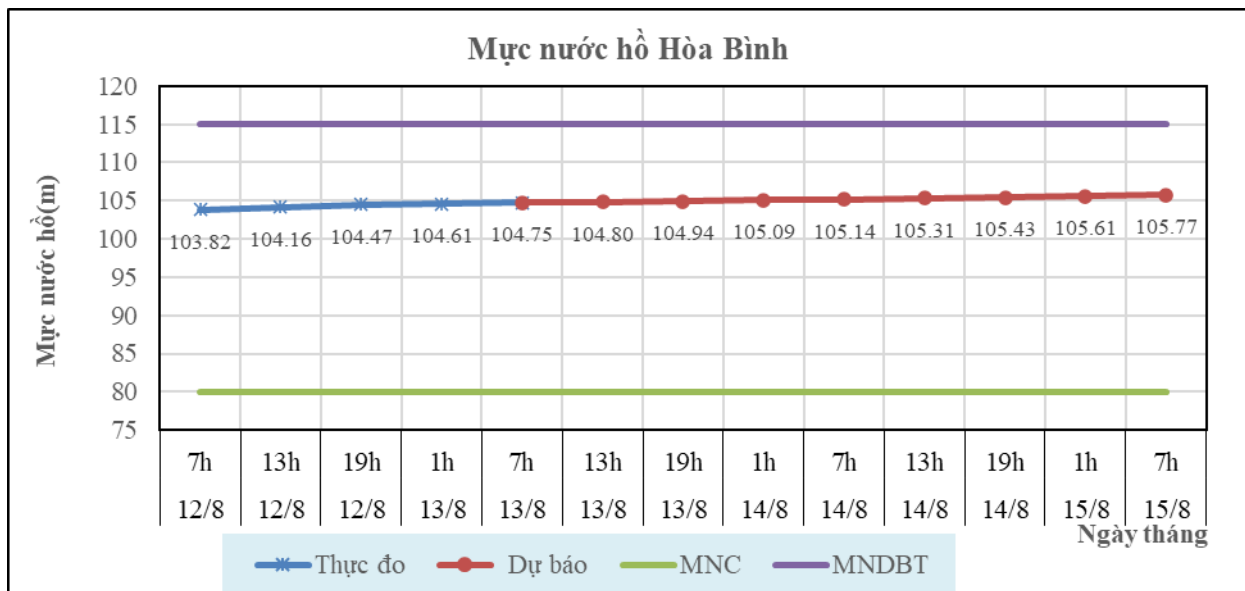
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 13/08/2025 đạt $4935\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 104,75m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $5189\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 105,14m, 48h tới lưu lượng đạt $5450\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 105,77m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

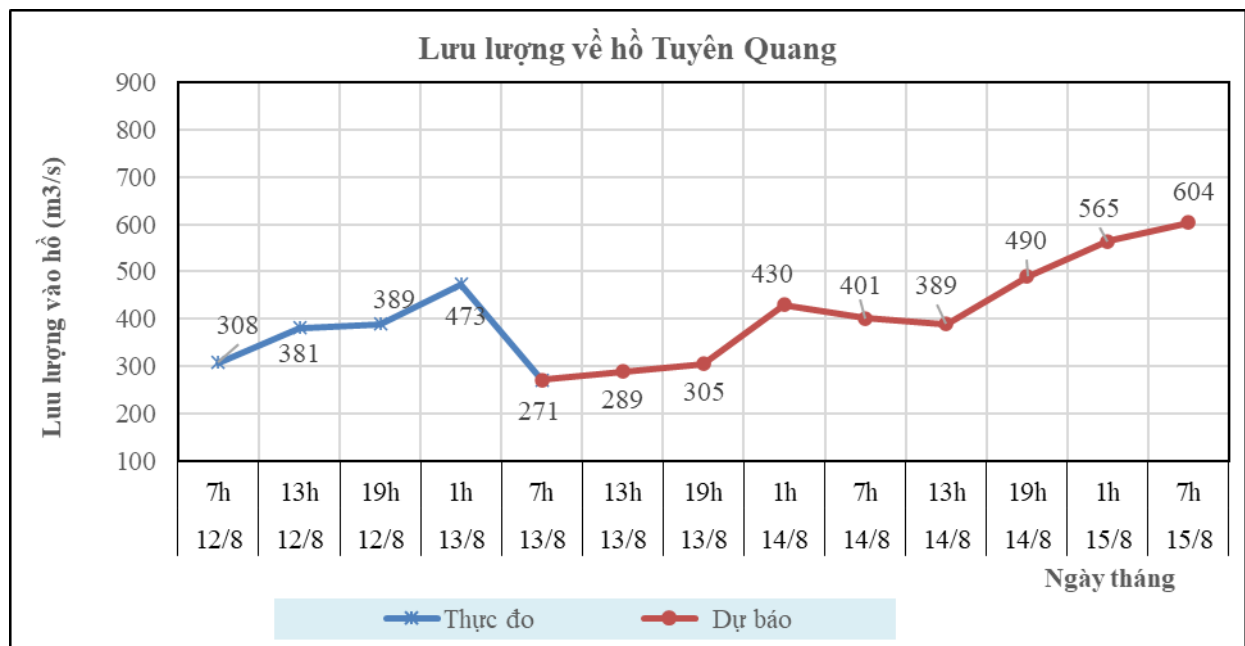
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

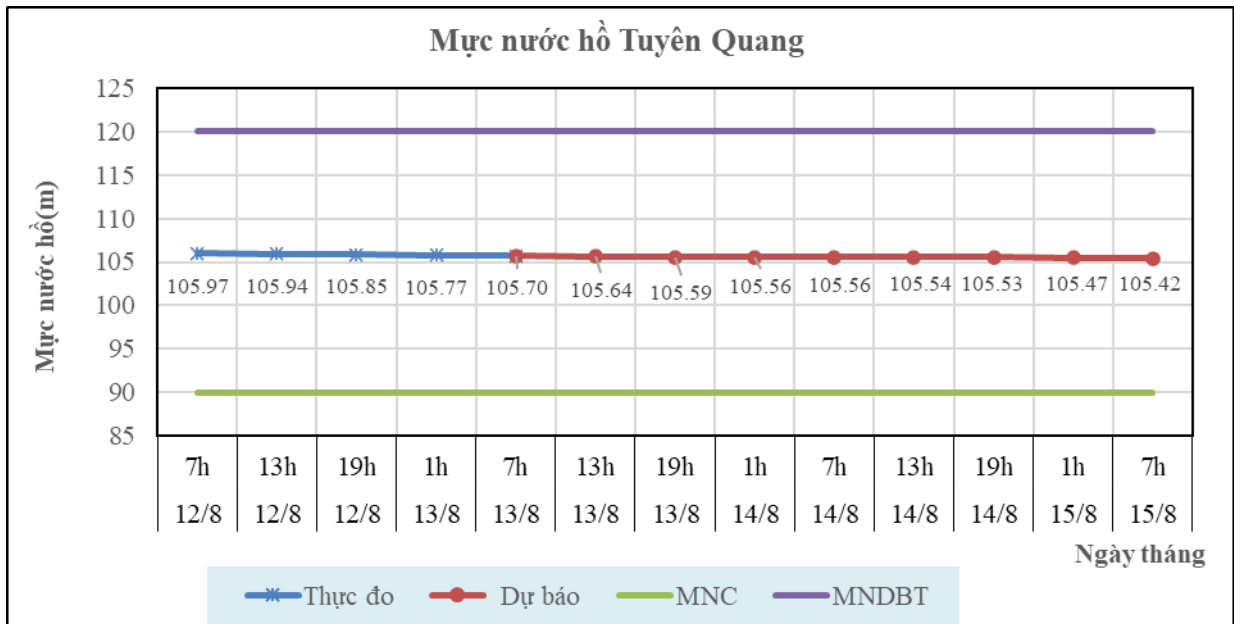
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 13/08/2025 đạt $271\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 105,70m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $401\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 105,56m, 48h tới lưu lượng đạt $604\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 105,42m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

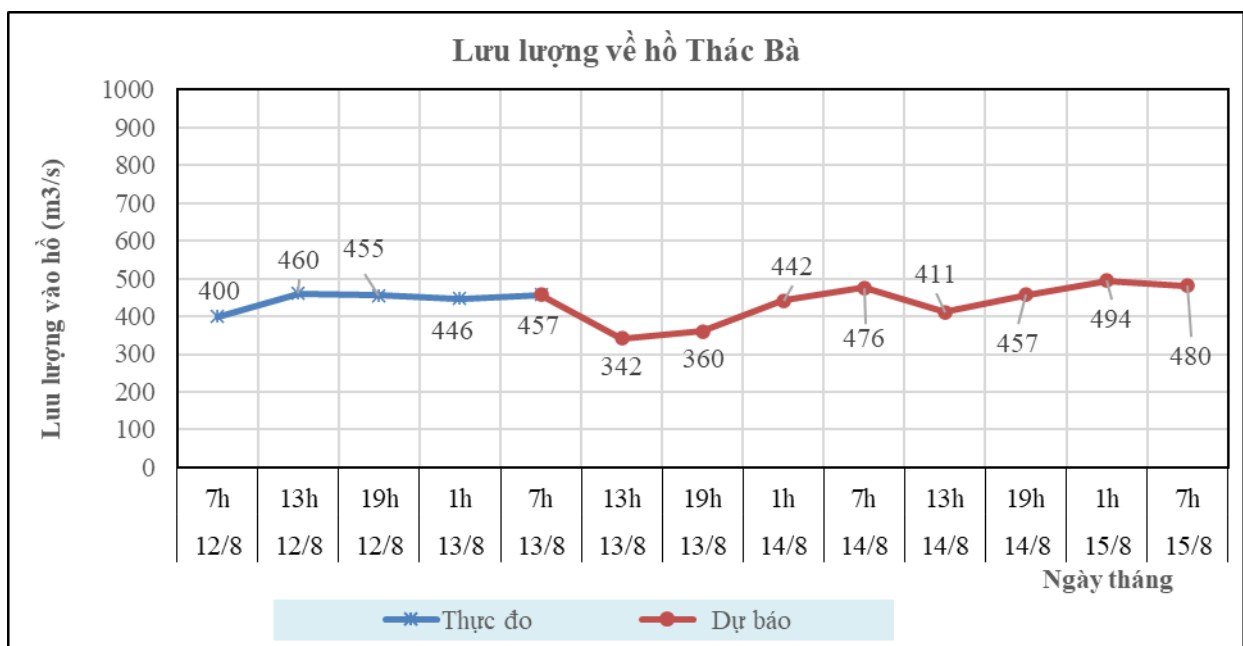
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

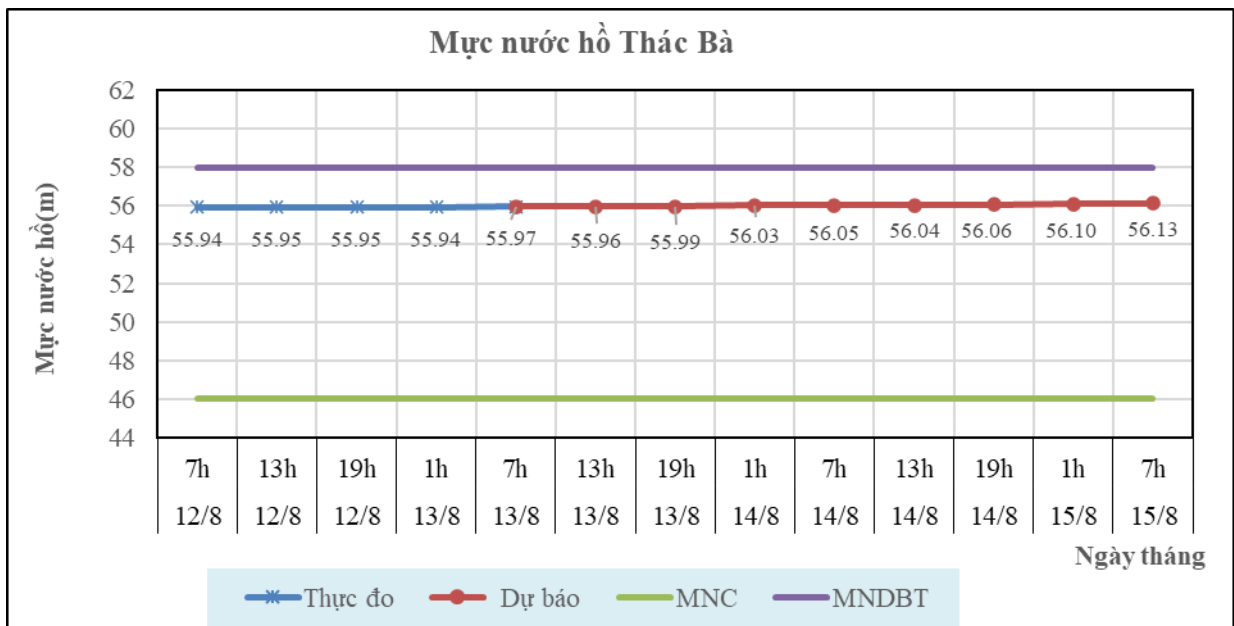
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 13/08/2025 đạt $457\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 55,97m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $476\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 56,05m, 48h tới lưu lượng đạt $480\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 56,13m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

ST T	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	8/13/2025	13h	1	0	3356	4600	201.19	1	0	4850	3800	104.80	0	0	289	440	105.64	0	0	342	440	55.96
2		19h	1	0	3762	4650	201.12	1	0	5036	3860	104.94	0	0	305	450	105.59	0	0	360	442	55.99
3	8/14/2025	1h	1	0	4075	4680	201.02	1	0	5240	3950	105.09	0	0	430	430	105.56	0	0	442	435	56.03
4		7h	1	0	3661	4720	200.95	1	0	5189	3920	105.14	0	0	401	435	105.56	0	0	476	448	56.05
5		13h	1	0	3890	4740	200.90	1	0	5068	3900	105.31	0	0	389	440	105.54	0	0	411	440	56.04
6		19h	1	0	4236	4780	200.84	1	0	5225	3880	105.43	0	0	490	705	105.53	0	0	457	435	56.06
7	8/15/2025	1h	1	0	4730	4800	200.80	1	0	5568	3930	105.61	0	0	565	710	105.47	0	0	494	438	56.10
8		7h	1	0	4520	4750	200.77	1	0	5450	3970	105.77	0	0	604	706	105.42	0	0	480	425	56.13